TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2023/QĐST - DS	*M, ngày 04 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST - DS ngày 11 tháng 01 năm 2023;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Doãn L - Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Hưng Yên

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố Phố B, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần S và chị Nguyễn Thị N đều thống nhất:

Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tính đến ngày 24/3/2023 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/9/2019 bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của ngân hàng (Gọi là khoản vay 1) và Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD 181300048 ngày 09/11/2018, thỏa thuận sửa đổi bổ sung Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ ngày 20/5/2021 (gọi là khoản vay 2) và tổng cộng là 119.138.218 đồng, trong đó:

- Khoản vay 1:

+ Nợ gốc: 56.664.697 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 44.935.040 đồng;

- Khoản vay 2:

+ Nợ gốc: 12.524.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 972.873 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 3.904.117 đồng

+ Lãi phạt: 137.491 đồng

2.2. Kể từ ngày 25/3/2023 chị N tiếp tục phải trả nợ lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/9/2019 (khoản vay 1) và Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD 181300048 ngày 09/11/2018 (khoản vay 2) cho đến khi chị N thanh toán xong khoản nợ gốc cho ngân hàng.

2.3. Về phương án trả nợ chia làm 48 kỳ:

+ Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 26/4/2023 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 26/5/2023 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 3: Chậm nhất đến ngày 26/6/2023 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 4: Chậm nhất đến ngày 26/7/2023 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 5: Chậm nhất đến ngày 26/8/2023 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 6: Chậm nhất đến ngày 26/9/2023 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 7: Chậm nhất đến ngày 26/10/2023 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 8: Chậm nhất đến ngày 26/11/2023 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 9: Chậm nhất đến ngày 26/12/2023 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 10: Chậm nhất đến ngày 26/01/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 11: Chậm nhất đến ngày 26/02/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 12: Chậm nhất đến ngày 26/3/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 13: Chậm nhất đến ngày 26/4/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 14: Chậm nhất đến ngày 26/5/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 15: Chậm nhất đến ngày 26/6/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 16: Chậm nhất đến ngày 26/7/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 17: Chậm nhất đến ngày 26/8/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 18: Chậm nhất đến ngày 26/9/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 19: Chậm nhất đến ngày 26/10/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 20: Chậm nhất đến ngày 26/11/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 21: Chậm nhất đến ngày 26/12/2024 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 22: Chậm nhất đến ngày 26/01/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 23: Chậm nhất đến ngày 26/02/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 1.664.697 đồng.

+ Kỳ 24: Chậm nhất đến ngày 26/02/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 25: Chậm nhất đến ngày 26/3/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 26: Chậm nhất đến ngày 26/4/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 27: Chậm nhất đến ngày 26/5/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 28: Chậm nhất đến ngày 26/6/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 29: Chậm nhất đến ngày 26/7/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 30: Chậm nhất đến ngày 26/8/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 31: Chậm nhất đến ngày 26/9/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 32: Chậm nhất đến ngày 26/10/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh

toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 33: Chậm nhất đến ngày 26/11/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 34: Chậm nhất đến ngày 26/12/2025 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 35: Chậm nhất đến ngày 26/01/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 36: Chậm nhất đến ngày 26/02/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 37: Chậm nhất đến ngày 26/3/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 38: Chậm nhất đến ngày 26/4/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 39: Chậm nhất đến ngày 26/5/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 40: Chậm nhất đến ngày 26/6/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 41: Chậm nhất đến ngày 26/7/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 42: Chậm nhất đến ngày 26/8/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 2 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 43: Chậm nhất đến ngày 26/9/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 2 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 44: Chậm nhất đến ngày 26/10/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 2 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 45: Chậm nhất đến ngày 26/11/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 2 là 2.500.000 đồng.

+ Kỳ 46: Chậm nhất đến ngày 26/12/2026 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 2 là 2.524.000 đồng.

+ Kỳ 47: Chậm nhất đến ngày 26/01/2027 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng 2.500.000 đồng gồm: Nợ lãi trong hạn của khoản vay 2 là 972.873 đồng và nợ lãi quá hạn của khoản vay 2 là 1.527.127 đồng.

+ Kỳ 48: Chậm nhất đến ngày 26/02/2027 chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số nợ còn lại, cụ thể: nợ lãi quá hạn của khoản vay 2 là 2.376.990 đồng; lãi phạt của khoản vay 2 là 137.491 đồng và nợ lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 25/3/2023 trên số nợ gốc chưa thanh toán tại các kỳ trả nợ theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/9/2019 (khoản vay 1) và Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD 181300048 ngày 09/11/2018 (khoản vay 2) cho đến khi chị N thanh toán

xong khoản nợ gốc cho ngân hàng.

2.4. Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 2.978.500 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 2.700.000 (Bằng chữ: Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013247 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND thị xã M;*
- *Chi cục THADS thị xã M;*
- *Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán

Nguyễn Thị Oanh